

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính và Ông: Nguyễn Vũ Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025; về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 09/7/1997 - Có mặt

Căn cước số: 017197004xxx

Nơi cư trú: Xóm T 3, xã Đại Đ, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh ngày 15/11/1990 - Vắng mặt

Căn cước số: Không có

Nơi cư trú: Khu B, xã Kim B, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/10/2015 tại UBND xã K, huyện Kim B, tỉnh Hòa Bình (cũ), quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T thường xuyên uống rượu say, thường xuyên chửi bới đánh đập tôi, tôi không chịu nổi tính vũ phu của anh T từ năm 2020 tôi về nhà bố mẹ để sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Bùi Văn T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung Bùi Thanh T, sinh ngày 03/8/2014 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/6/2016, sau khi ly hôn do tôi không có nhà ở, hiện tại 02 cháu đang sống cùng anh T nên tôi để hai cháu sống cùng anh T tôi cấp dưỡng nuôi 02 con 1 triệu đồng/1 tháng.

- Tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Bùi Văn T*:

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh Bùi Văn T hợp lệ, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; ý kiến về tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T thay đổi nội dung về con chung, chị yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi 02 con, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục Tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, đến thời điểm xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71; đối với bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Có 02 con chung Bùi Thanh T, sinh ngày 03/8/2014 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/6/2016, ý kiến chị T sau khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, ý kiến của 02 cháu, nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng sinh sống cùng anh T. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì về con chung, nên xác định anh T không có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Nên căn cứ ý kiến của chị T giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác; Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không đề cập; Về án phí chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng*: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn T hiện đang cư trú tại xã K, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, anh Bùi Văn T đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung*: Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

+ Đối với yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T: Sau kết hôn năm 2015 quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên uống rượu say, thường xuyên chửi bới đánh đập chị, do chị không chịu nổi tính vũ phu của anh T năm 2020 chị bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, từ đó đến khi chị làm đơn ly hôn anh T, vợ chồng vẫn sống ly thân không còn liên lạc với nhau. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn T;

+ Đối với anh Bùi Văn T: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh T hợp lệ, nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị Bùi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh; ý kiến về người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn; ý kiến về tài sản chung, công nợ chung.

Kết quả xác minh tại nơi cư trú, vợ chồng anh, chị mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì đoàn thể nơi cư trú không biết, do anh chị không đề nghị đoàn thể hòa giải, qua nắm bắt nguyên nhân do hai vợ chồng mâu thuẫn tình cảm, anh chị không còn chung sống từ năm 2020; xác minh người thân mẹ anh T tư nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Toàn và anh T cụ thể như thế nào thì bà không biết.

Tại phiên Tòa chị Bùi Thị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn T. HĐXX nhận thấy theo lời trình bày của chị thì mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Có 02 con chung Bùi Thanh T, sinh ngày 03/8/2014 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/6/2016, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, ý kiến của 02 cháu, nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng sinh sống cùng anh T. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì về con chung, nên HĐXX xác định anh T không có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Do vậy HĐXX chấp nhận ý kiến của chị T giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 17 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. **Tuyên xử**: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T;

- *Về con chung*: Xác nhận có 02 con chung. Giao 02 con Bùi Thanh T, sinh ngày 03/8/2014 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/6/2016 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02 con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác, chị T chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T có quyền, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở;

- *Tài sản, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. **Án phí**: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003045 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự